

Số: 165/2021/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 19 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải việc dân sự:

- Bà Trần Thanh P; sinh năm 1982, địa chỉ: Số 137 đường Lê H P, Phường B, quận G TPHCM.

và ông Ngô Trọng Đ; sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 214/58/14 đường O, Phường B, quận G, TPHCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa Bà Trần Thanh P và ông Ngô Trọng Đ là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 quyển số 01/2007 ngày 05/03/2007 tại UBND phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 28/12/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/02/2021, bà Trần Thanh P và ông Ngô Trọng Đ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà P và ông Đ thống nhất có 01 con chung tên Ngô Gia B; sinh ngày 13/10/2013, giao bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

- Tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông Đ xác nhận không có.

Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy bà P và ông Đ thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh P và ông Ngô Trọng Đ thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 quyển số 01/2007 ngày 05/03/2007 tại UBND phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM không còn hiệu lực pháp luật).

- Về con chung có 01 con chung tên Ngô Gia B; sinh ngày 13/10/2013, giao bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ngô Trọng Đ có trách nhiệm cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, lần lượt cho đến khi trẻ 18 tuổi.

Thi hành ngày 05/03/2021, thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Ngô Trọng Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thanh P và ông Ngô Trọng Đ phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0027801 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Hoặc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q.GV
- UBND nơi ĐKKH
- CCTHADS Q.GV;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thùy Trang

